

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 25/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông **Tạ Hồng Tuấn**

- **Các hội thẩm nhân dân:** + Ông **Đỗ Minh Tuấn**

+ Bà **Vương Thị Thu**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên toà:** Ông **Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2017/TLST-HS, ngày 20/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 10/01/2018 đối với các bị cáo;

1. Họ và tên: Trần Quốc T - Sinh ngày 22/4/1961 tại Quận Đ, thành phố H.

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Số nhà xxx, phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố H.

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 9/10

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nam. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L

Có vợ là Nguyễn Thị Minh H (đã chết) và có 02 con; lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 2002.

Có 01 tiền án: Bản án số 1574/HSST ngày 05/12/1997, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt tiền 30.000.000.đ, truy nộp 22.500.đ tiền thu lợi bất chính và 50.000.đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tháng 01/2011 đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành xong các khoản tiền phạt.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Bản án số 56/HS2-ST ngày 27/02/1979, Tòa án nhân dân khu phố Đống Đa phạt 04 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân”.

- Bản án số 208/HS ngày 26/7/1990, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản riêng của công dân*”.

- Bản án số 411/HSST ngày 28/12/1991, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 08 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

- Bản án số 699/HSST ngày 25/9/1993, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/8/2017, tạm giam từ ngày 11/8/2017 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ và tên: Đoàn Thị L - Sinh ngày 08/02/1959 tại Quận Đ, thành phố H.

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Số nhà xx, ngõ 6B, phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố H.

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 10/10

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nữ. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Đoàn Văn L và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết)

Có chồng là Nguyễn Văn T, có 01 con sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/7/2017 cho đến ngày 03/8/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn V - Sinh ngày 07/3/1963 tại Quận Đ, thành phố H.

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Số xxx, phố chợ K, phường P, quận Đ, thành phố H.

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 4/10

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nam. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị Q (đều đã chết)

Có vợ là Phạm Thị L và có 01 con sinh năm 1989.

Có 02 tiền án:

- Bản án số 1838/HSST ngày 02/12/1999, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 15 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, phạt tiền 20.000.000.đ và 50.000.đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/9/2012 chấp hành xong hình phạt tù.

- Bản án số 313/2013/HSST ngày 24/6/2013, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 36 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đã chấp hành xong hình phạt tù 14/11/2015 .

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Bản án số 145/HS ngày 18/4/1986, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 18 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

- Bản án số 281/HS ngày 10/11/1987, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 20 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

- Bản án số 396/HSST ngày 04/11/1988, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 30 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”, 12 tháng tù về tội “*Trốn khỏi nơi giam giữ*” và cộng với 12 tháng tù của bản án số 281 ngày 10/11/1987 của Tòa án quận Đống Đa, tổng hợp hình phạt là 54 tháng tù.

- Bản án số 360/HSST ngày 24/4/1996, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

4. Họ và tên: Dương Văn Q - Sinh năm 1975 tại P, thành phố H.

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Tiểu khu P, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 5/12

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nam. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông không xác định, mẹ đẻ là Vũ Thị C

Bố dượng; Dương Hồng S (đã chết)

Bị cáo chưa có vợ con.

Có 01 tiền án: Bản án số 72/2009/HSST ngày 25/9/2009, Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*”. Trả cho người bị hại 21.000.000.đ, phải nộp 4.000.000.đ để sung quỹ Nhà nước và 1.250.000.đ tiền án phí hình sự và dân sự. Đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành các khoản nộp phạt.

Tiền sự; Không.

Nhân thân: - Bản án số 449/2011/HSST ngày 29/10/2011, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 10/2013.

- Bản án số 174/HSST ngày 29/11/1997, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Ba.

5. Họ và tên: Nguyễn Công T - Sinh ngày 29/9/1991 tại xã Y, huyện T, tỉnh P.

Tên gọi khác; không

Nơi cư trú: Khu 13, xã Y, huyện T, tỉnh P.

Nghề nghiệp; lao động tự do . Trình độ văn hoá; lớp 8/12

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nam. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị B
Có vợ đã ly hôn là Phạm Thị A và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: - Bản án số 06/2013/HSST ngày 06/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xử phạt 05 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Trị giá tài sản trộm cắp là 3.370.000.đ;

- Bản án số 18/2015/HSST ngày 25/3/2015, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Trị giá tài sản trộm cắp là 1.000.000.đ;

- Bản án số 21/2016/HSST ngày 12/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xử phạt 15 tháng tù về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2017 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Ba.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Quyết C: Sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh P

2. Chị Phạm Thị L: Sinh năm 1966 (*có mặt*).

Đại chỉ: Số xxx, phố chợ K, phường P, quận, thành phố H.

3. Anh Cao Hữu A: Sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ 22, ngõ xxx, phường Y, quận H, thành phố H.

4. Bà Nguyễn Thị B: Sinh năm 1960 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu 13, xã Y, huyện T, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 10 phút ngày 23/7/2017, tại khu 3, xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác của Công an huyện Thanh Ba đã tiến hành kiểm tra, phát hiện lập và lập biên bản vi phạm hành chính đối với Đỗ Quyết C, trú tại khu 2, xã T, huyện T, tỉnh P về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ vật chứng gồm: 01 gói nhỏ bằng giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng, bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng (nghĩ là chất ma túy Heroine) và đã niêm phong trong một bì giấy dán kín, ký hiệu “Bì số 01”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel (đã qua sử dụng) bên trong có lắp 02 sim số 01256xxxxxx, 01637xxxxxx và số tiền 7.000.đ. Đỗ Quyết C khai nhận chất bột, cục màu trắng chứa trong gói giấy có đặc điểm nêu trên là chất ma túy Heroine do C vừa mới mua được của Nguyễn Công T ở khu 13, xã Y, huyện T, tỉnh P với giá 300.000.đ

mục đích để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị kiểm tra phát hiện thu giữ.

Căn cứ vào lời khai của Đỗ Quyết C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Công T. Kết quả khám xét thu giữ: 01 gói nhỏ bằng giấy có đặc điểm mặt ngoài trắng, mặt trong màu vàng, bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng (nghĩ là chất ma túy Heroine) và đã được niêm phong trong 01 bì giấy dán kín, ký hiệu “Bì số 02”; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 (đã qua sử dụng) có lắp sim số 01294xxxxxx và số tiền 300.000.đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba ra Quyết định trưng cầu giám định vật chứng thu giữ của Đỗ Quyết C (ký hiệu bì số 01) và vật chứng thu giữ của Nguyễn Công T (ký hiệu bì số 02). Tại Kết luận giám định số 777/KLGD ngày 24/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

- “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu “Bì số 01” gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 0,0173 gam (Không thấy không một bảy ba gam, không kể bao bì), có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Hàm lượng Heroine trong 0,0173 gam mẫu là 52,004%.

- “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu “Bì số 02” gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 0,0657 gam (Không thấy không sáu năm bảy gam, không kể bao bì), có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Hàm lượng Heroine trong 0,0657 gam mẫu là 50,434%”.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Công T và Đỗ Quyết C khai nhận: Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 23/7/2017, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên C gọi điện từ số điện thoại 01256xxxxxx đến số điện thoại 01294xxxxxx của T để hỏi mua 300.000.đ ma túy, Thái đồng ý bảo C đi đến ngã ba dốc Bún thuộc khu 13, xã Y, huyện T thì gọi điện cho Thái. Sau đó C đi bộ một mình đến nơi hẹn cách nhà T khoảng 100m rồi gọi điện cho T, khoảng 02 phút thì T một mình cởi trần mặc quần đùi màu đen đi bộ từ nhà ra gặp C. Khi gặp C, T bảo: “Đi lên đỉnh dốc Bún”. Sau đó C đi bộ cùng T lên đến đỉnh dốc Bún, tại đây C đưa cho T 300.000.đ, T cầm tiền rồi đưa bán cho C 01 gói nhỏ bằng giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng, bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng chính là chất ma túy Heroine. C cầm trong lòng bàn tay trái về đến khu 3, xã H, huyện T, tỉnh P, đang định vào quầy thuốc tân dược mua xi lanh và nước cất để sử dụng số ma túy vừa mua thì bị Công an huyện Thanh Ba kiểm tra phát hiện nên đã tự giác giao nộp và khai báo về hành vi vi phạm của bản thân.

Về nguồn gốc số ma túy bán cho Đỗ Quyết C và số ma túy bị thu giữ khi khám xét tại nhà ở, T khai mua của Dương Văn Q, trú tại tiểu khu P, thị trấn P,

huyện P, thành phố H ngày 21/7/2017 tại khu vực cổng bến xe khách M thuộc phường M II, quận N, thành phố H.

Ngày 28/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã triệu tập Dương Văn Q đến Công an huyện Thanh Ba để làm việc và tại đây, Dương Văn Q tự giác giao nộp từ túi quần đang mặc phía trước bên trái cho Cơ quan Công an 01 gói nhỏ được bọc bên ngoài bằng giấy màu trắng cả hai mặt (dạng giấy vệ sinh), mở ra bên trong có chứa 01 gói nhỏ bằng giấy mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng, bên trong có chứa chất bột cục màu trắng. Dương Văn Q khai nhận đó chính là chất ma túy Heroine, Q tàng trữ trên người với mục đích để sử dụng cho bản thân và để bán cho những ai có nhu cầu nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba triệu tập đến làm việc nên đã tự giác giao nộp.

Công an huyện Thanh Ba tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với Dương Văn Q về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, niêm phong gói ma túy mà Q giao nộp trong một bì giấy dán kín ký hiệu “Bì số 01”. Ngoài ra, kiểm tra trên người Dương Văn Q còn thu giữ tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 (đã qua sử dụng) có lắp 02 hai sim số 0968xxxxxx và 01662xxxxxx cùng với số tiền 434.000.đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Dương Văn Q khai nhận đã có 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Công T. Cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 10 giờ một ngày giữa tháng 6/2017, Q nhận được điện thoại của T hỏi mua 01 gói ma túy Heroine, Q đồng ý và đã bán cho T 01 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy màu trắng cả hai mặt với giá 200.000.đ, việc mua bán diễn ra tại cổng ra bên phải bến xe buýt của bến xe khách Mỹ Đình.

- Lần thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 21/7/2017, Q nhận được điện thoại của T hỏi mua của Q 02 gói ma túy Heroine mỗi gói giá 200.000.đ, Q đồng ý. Khoảng 20 phút sau, Q bán cho T 02 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy màu trắng cả hai mặt với giá 400.000.đ. Việc mua bán diễn ra tại cổng bến xe khách Mỹ Đình gần hầm dành cho người đi bộ.

Ngoài ra 02 lần bán ma túy cho Nguyễn Công T như trên, Q khai nhận còn có 01 lần bán trái phép chất ma túy cho một người đàn ông không quen biết tại khu vực Công viên Thống Nhất thuộc địa phận quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội vào sáng ngày 28/7/2017 với giá 200.000.đ.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ và nguồn gốc số ma túy đã bán, Dương Văn Q khai mua của Nguyễn Văn V ở số nhà xxx, phố chợ K, phường P, quận Đ, thành phố H.

Ngày 28/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba triệu tập Nguyễn Văn V đến trụ sở Công an huyện Thanh Ba để làm việc. Tại đây Nguyễn Văn V đã tự giác giao nộp từ túi quần đang mặc phía bên phải cho Cơ

quan Công an 01 gói nhỏ được bọc bên ngoài bằng giấy mặt ngoài màu vàng, trắng, mặt trong màu trắng, mở ra bên trong có chứa 02 gói nhỏ đều bằng nilon màu trắng hàn kín ba cạnh, cạnh còn lại có khuy bấm bịt kín, bên trong cả hai gói nilon đều có chứa chất bột cục màu trắng, Nguyễn Văn V khai nhận đó chính là chất ma túy Heroine, V tàng trữ trên người với mục đích để bán cho những ai có nhu cầu. Công an huyện Thanh Ba tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn V về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, niêm phong gói ma túy thu giữ của Việt trong một bì giấy dán kín ký hiệu “Bì số 02”. Ngoài ra, kiểm tra trên người Việt, Cơ quan Công an thu giữ những đồ vật, tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (đã qua sử dụng) có lắp sim số 0943xxxxxx; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033xxx, biển số đăng ký 29H1 – xxxxx và số tiền 100.000.đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba ra Quyết định trưng cầu giám định vật chứng thu giữ của Dương Văn Q và Nguyễn Văn V (ký hiệu “Bì số 01”, “Bì số 02”). Tại Kết luận giám định số 804/KLGD ngày 29/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

- “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu Bì số 01 gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 0,4460gam (Không phải bốn bốn sáu không gam, không kể bao bì), có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Hàm lượng Heroine trong 0,4460gam mẫu là 34,319%”.

- “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu Bì số 02 gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 3,0176gam (Ba phải không một bảy sáu gam, không kể bao bì), có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Hàm lượng Heroine trong 3,0176gam mẫu là 30,932%”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Dương Văn Q khai nhận từ trước đến nay đã 03 lần mua ma túy của V, Nguyễn Văn V cũng thừa nhận đã 03 lần bán ma túy cho Q đúng như Q đã khai nhận. Cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2017, Q mua của V 01 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy màu trắng cả hai mặt với giá 1.600.000.đ, việc mua bán diễn ra tại cổng Công viên Thống Nhất thuộc địa phận quận Hai Bà Trưng, thành Phố Hà Nội.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 27/7/2017, Q mua của V 01 gói ma túy Heroine với giá 1.600.000.đ, việc mua bán diễn ra tại khu vực bờ hồ Ba Mẫu thuộc phường P, quận Đ, thành phố H.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 28/7/2017, Q mua của V 01 gói ma túy Heroine được gói bằng giấy màu trắng cả hai mặt với giá 1.600.000.đ, việc mua bán diễn ra tại cổng Công viên Thống Nhất thuộc địa phận quận H, thành phố H.

Số ma túy mua của V, Q đã sử dụng một phần cho bản thân, đem bán cho một người không quen biết một phần được 200.000.đ, phần còn lại Q dùng mảnh giấy mặt ngoài màu trắng mặt trong màu vàng gói lại sau đó dùng mảnh giấy màu trắng cả hai mặt (dạng giấy vệ sinh) bọc bên ngoài sau đó Q cất giấu trên người mục đích để sử dụng cho bản thân và để bán cho ai có nhu cầu, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba triệu tập nên đã tự giác giao nộp.

Về nguồn gốc số ma túy bán cho Q vào ngày 21/7/2017, V khai mua của Trần Quốc T, trú tại số nhà xxx, phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố H với giá 1.300.000.đ, còn nguồn gốc số ma túy bán cho Q các ngày 27/7/2017, ngày 28/7/2017 và bị thu giữ, V khai mua của Đoàn Thị L, trú tại số nhà 11, ngõ 6B, phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố H. Từ trước đến nay V đã mua ma túy của L 03 lần. Lần nhiều nhất V mua 2.600.000.đ, lần ít nhất mua 1.300.000.đ.

Ngày 31/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba thi hành Lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Đoàn Thị L về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Kết quả khám xét đã thu giữ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 bên trong điện thoại lắp sim số 01237793xxx và 420.000.đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đoàn Thị L khai nhận chỉ bán ma túy cho Nguyễn Văn V 01 lần duy nhất cụ thể: Khoảng 13 giờ ngày 28/7/2017, khi L đang ở quán bán hàng tại số 7, ngõ K, phường T thì Nguyễn Văn V đến gặp L và hỏi mua 2.600.000.đ ma túy, L đồng ý và lấy trong buồng ra 02 gói ma túy Heroine được gói bằng nilon màu trắng hàn kín 03 cạnh, cạnh còn lại có khuy bấm bịt kín rồi lấy một mảnh của tờ lịch treo tường quần bên ngoài hai gói ma túy sau đó đưa cho V. V trả được cho L 1.600.000.đ và nợ lại số tiền 1.000.000.đ và đến nay vẫn chưa trả. Ngoài lần nêu trên, L không bán ma túy cho V lần nào khác và cũng không bán cho ai. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh Đoàn Thị L còn bán ma túy lần nào khác.

Về nguồn gốc số ma túy có để bán cho Nguyễn Văn V, L khai mua của một người phụ nữ tên H, khoảng 60 tuổi bán hàng nước vỉa hè tại khu vực gác ghi chắn tàu hỏa đầu phố Khâm Thiên thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội vào ngày 28/7/2017 với giá 2.400.000.đ. Kết quả điều tra cũng chưa xác minh được nhân thân của người phụ nữ đã bán ma túy cho L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba cũng đã thi hành Lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Trần Quốc T, trú tại số nhà xxx, phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Kết quả khám xét đã thu giữ: 01 gói nhỏ bằng nilon màu trắng hàn kín 3 cạnh, cạnh còn lại có khuy bấm bịt kín, bên trong có chứa chất bột, cục màu trắng (nghĩ là chất ma túy Heroine), được niêm phong trong bì giấy ký hiệu “Bì số 01”; 04 gói nhỏ bằng nilon màu trắng hàn kín xung quanh, bên trong có chứa chất bột, cục

màu trắng (nghĩ là chất ma túy Heroine), được niêm phong trong bì giấy ký hiệu “Bì số 02”; 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Quốc T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đã qua sử dụng bên trong điện thoại lắp sim số 0983xxxxxx; 01 chiếc cân điện tử vỏ bằng nhựa màu đen (đã qua sử dụng) và số tiền 2.000.000.đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định vật chứng thu giữ của Trần Quốc T (ký hiệu “Bì số 01”, “Bì số 02”). Tại Kết luận giám định số 874/KLGD ngày 09/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

- “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu Bì số 01 gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 0,5395 gam (Không phải năm ba chín năm gam, không kể bao bì), có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Hàm lượng Heroine trong 0,595 gam mẫu là 71,921%”.

- “Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu Bì số 02 gửi giám định có khối lượng (trọng lượng) là 7,1586 gam (Bảy phẩy một năm tám sáu gam, không kể bao bì), có Heroine. Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT20, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Hàm lượng Heroine trong 7,1586 gam mẫu là 71,283%”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Quốc Th khai nhận bản thân từ trước đến nay chỉ bán ma túy duy nhất 01 lần cho Nguyễn Văn V. Cụ thể: Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2017, Nguyễn Văn V gọi điện thoại cho T và hỏi mua 1.300.000.đ ma túy, T đồng ý và lấy 01 gói ma túy Heroine được gói bằng nilon màu trắng hàn kín xung quanh để lên bàn uống nước trong phòng khách tầng 1 nhà T chờ V. Khoảng 05 phút sau V đến gặp T. Tại đây, V đưa T 1.300.000.đ, T cầm tiền rồi đưa gói ma túy cho V. Ngoài lần bán cho V như trên, T không bán cho Việt lần nào khác và cũng không bán ma túy cho ai khác.

Về nguồn gốc số ma túy bán cho Nguyễn Văn V và nguồn gốc số ma túy bị thu giữ khi khám xét, T khai mua của một người đàn ông tên C ở phường T, quận Đ, thành phố H vào sáng ngày 21/7/2017 với giá 2.200.000.đ. Kết quả điều tra vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông tên C nêu trên.

Trong quá trình đấu tranh, ban đầu Trần Quốc T khai nhận về số ma túy và chiếc cân điện tử thu giữ tại bàn trang điểm kê tại phòng tầng ba nhà ở là của mình. Nguồn gốc ma túy là do T mua của người đàn ông tên C nêu trên diễn ra ngày 21/7/2017. Tuy nhiên sau đó Trần Quốc T khai báo số tang vật đó là của vợ T tên là Nguyễn Thị Minh H (đã chết năm 2015) do T chuyển đồ đạc từ nhà mẹ vợ Thái về từ tháng 5/2017. Tuy nhiên, từ khi chuyển số đồ đạc nêu trên về, T không hề biết có ma túy cất giấu trong đó đến khi Cơ quan Công an huyện Thanh Ba khám xét phát hiện thu giữ. Tại phiên tòa bị cáo T vẫn giữ nguyên lời khai của

mình như tại Cơ quan điều tra và cũng không có tài liệu nào chứng minh số ma túy này là của T.

Quá trình đối chất giữa Đỗ Quyết C với Nguyễn Công T, Nguyễn Công T với Dương Văn Q, Dương Văn Q với Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn V với Trần Quốc T bên đều thừa nhận hành vi như đã nêu trên và tại phiên tòa, các bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội vừa mình.

Đối với đồ vật, tài sản thu giữ thì trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại cho anh Cao Hữu A giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 033xxx, biển số đăng ký 29H1-xxxxxx mang tên Cao Hữu A vì xác định không liên quan đến vụ án. Các đồ vật tài sản còn lại hiện vẫn đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Tại bản cáo trạng số 04/KSĐT-MT ngày 19/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 194; truy tố bị cáo Dương Văn Q về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, p khoản 2 Điều 194; truy tố Đoàn Thị L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 và truy tố Trần Quốc T về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo như sau;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Phạt Dương Văn Q từ **07** năm **06** tháng đến **08** năm tù.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Phạt Nguyễn Văn Vít từ **07** năm **06** tháng đến **08** năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Phạt Trần Quốc T **30** đến **36** tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p, q khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự; Phạt Đoàn Thị L từ **15** đến **18** tháng tù.

- Căn cứ điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Phạt Nguyễn Công T từ **07** năm đến **07** năm **06** tháng tù.

- Do các bị cáo không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị truy thu số tiền các bị cáo đã thu được từ việc bán trái phép chất ma túy và còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công T, Dương Văn Q, Nguyễn Văn V, Đoàn Thị L và Trần Quốc T đã hoàn toàn thừa nhận hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của mình. Lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người liên quan, lời khai người làm chứng, các biên bản đối chất, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và kết luận giám định, cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu chứng cứ khác mà quá trình điều tra đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở xác định từng lần phạm tội và trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo như sau:

- Nguyễn Công T đã 01 lần bán trái phép ma túy cho Đỗ Quyết C vào ngày 23/7/2017 thu số tiền 300.000.đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bản thân bị cáo đã 03 lần bị kết án đến nay đều chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là “*tái phạm nguy hiểm*” vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

- Dương Văn Quang đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Công T vào giữa tháng 6/2017 và ngày 21/7/2017 thu tổng số tiền 600.000.đ, 01 lần bán ma túy cho 01 người không quen biết thu số tiền 200.000.đ. Ngoài hành vi bán ma túy thì Dương Văn Q còn cất giấu trái phép trong người trọng lượng 0,4460g có hàm lượng Hêrôin là 34,319%. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”. Với 02 lần bán trái phép ma túy vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Văn V đã 03 lần bán trái phép ma túy cho Dương Văn Q vào 21/7/201, 27/7/2017 và 28/7/2017 thu tổng số tiền 4.800.000.đ. Ngoài ra, Nguyễn Văn V còn cất giấu trái phép trong người 3,0176g có hàm lượng Hêrôin là 30,932%. Hành vi của Nguyễn Văn V đã phạm vào tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”. Bản thân bị cáo hai lần bị kết án đều chưa được xóa án tích vì vậy lần phạm tội này là “*tái phạm nguy hiểm*” cùng với 03 lần bán trái phép ma túy vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

- Trần Quốc T đã có 01 lần bán trái phép ma túy cho Nguyễn Văn V vào ngày 21/7/2017 thu số tiền 1.300.000.đ. Ngoài ra, Trần Quốc T còn cất giấu trái phép tại nơi ở của mình 0,5395g có hàm lượng Hêrôin là 71,921%. Hành vi của Trần Quốc T đã phạm vào tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

- Đoàn Thị L đã có 01 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn Vthu số tiền 1.600.000.đ. Hành vi của Đoàn Thị L đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. *Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

b) *Phạm tội nhiều lần;*

p) *Tái phạm nguy hiểm*”

[2]. Tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất an ninh, an toàn xã hội. Mặc dù các bị cáo nhận thức được tác hại nguy hiểm của ma túy đối với con người và xã hội, ma túy cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, nhưng vì ham lợi bất chính, cũng là để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên đã cố ý phạm tội, do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị xử phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo từ bỏ ma túy và cũng là để răn đe đối với những kẻ khác.

[3]. Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với Nguyễn Công T nhân thân đang có 03 tiền án nhưng đây đã là tình tiết định khung hình phạt vì vậy không bị coi tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và xét xử bị cáo đã thực sự thành khẩn và hối hận về hành vi phạm tội của mình, đã cung cấp các thông tin và tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra khởi tố một số tội phạm về ma túy vì vậy có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

- Đối với Nguyễn Văn V nhân thân hiện đang có 02 tiền án nhưng đây đã là tình tiết định khung hình phạt vì vậy không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và xét xử đã thành khẩn, ngoài ra bị cáo còn tự mình khai ra những lần phạm tội trước đó khi chưa bị phát hiện vì vậy có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

- Đối với Dương Văn Q nhân thân đã nhiều lần bị kết án và đến nay vẫn còn 01 bản án chưa được xóa án tích vì vậy lần phạm tội này là “*tái phạm*” và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và xét xử đã thành khẩn, ngoài ra bị cáo

còn tự mình khai ra những lần phạm tội trước đó khi chưa bị phát hiện nên có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

- Đối với Trần Quốc T nhân thân đã nhiều lần bị kết án và đến nay vẫn còn 01 bản án chưa được xóa án tích vì vậy lần phạm tội này phải chịu 01 tình tăng nặng là ‘*tái phạm*’ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự nhưng cũng có xem cho bị cáo 01 tình tiết giảm nhẹ vì quá trình điều tra và xét xử đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

- Đối với Đoàn Thị L nhân thân chưa từng có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu phạm tội. Quá trình điều tra và xét xử đã thực sự thành khẩn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra còn cung cấp các thông tin và tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra khởi tố một số tội phạm về ma túy vì vậy có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

[4]. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như đã nêu trên thì hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị xử phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục cải tạo các bị cáo từ bỏ ma túy, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trở về với xã hội sẽ là một công dân tốt. Riêng đối với cáo Đoàn Thị L, do có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại là phụ nữ nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự quyết định cho bị cáo hình phạt tù ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng, sửa chữa lỗi lầm của mình sống có ích cho xã hội.

[5]. Đối với Nguyễn Quyết C đã có hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự, Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính vì vậy không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền, bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng.

[7]. Về vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ được xử lý như sau:

- 03 bì niêm phong bên trong là chất ma túy do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau khi giám định phải tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Viettel, vỏ nhựa màu đỏ đen có lắp 02 sim số 01256xxxxxx và 01637xxxxxx của Nguyễn Quyết C, mặc dù hành vi của C không phải là tội phạm nhưng chiếc điện thoại đã sử dụng để liên lạc mua trái phép ma túy vì vậy phải tịch thu để bán sung công quỹ Nhà nước, còn số tiền 7.000.đ không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho C để sở hữu.

- Đối với số tiền 300.000.đ và 01 điện thoại Nokia 112 có lắp sim số 01294024xxx thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo Nguyễn Công T. Tiền là do bị cáo T bán ma túy mà có nên phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Riêng chiếc điện thoại do mượn của mẹ để bị cáo là bà Nguyễn Thị B, bà B không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội vì vậy không tịch thu mà trả lại cho bà B để sở hữu.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 vỏ màu đen có lắp 02 sim số 0968303xxx và 01662753xxx và số tiền 434.000.đ do bị cáo Dương Văn Q giao nộp thì chiếc điện thoại đã sử dụng để mua bán ma túy và 200.000.đ là tiền do bán ma túy mà có vì vậy phải tịch thu để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại là 234.000.đ là do bị cáo lao động mà có, không liên quan đến tội phạm nên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám có lắp sim số 0983756xxx, 01 cân điện tử, 01 chứng minh thư nhân và 2.000.000.đ thu giữ khi khám xét nhà bị cáo Trần Quốc T thì chiếc điện thoại đã sử dụng vào việc mua bán ma túy nên tịch thu để bán sung công quỹ Nhà nước. Chiếc cân điện tử đã cũ không còn giá trị sử dụng, bị cáo cũng không yêu cầu trả lại nên tịch thu tiêu hủy, Chứng minh thư nhân dân là giấy tờ về nhân thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo sử dụng. Số tiền 2.000.000.đ xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen có lắp sim số 01237793xxx và số tiền 420.000.đ thu giữ khám xét nhà bị cáo Đoàn Thị L, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu hồng có lắp sim số 0943652xxx và số tiền 100.000.đ do bị cáo Nguyễn Văn V giao nộp thì chiếc điện thoại là bị cáo mượn của chị Phạm Thị L (vợ bị cáo), chị L không biết bị cáo sử dụng vào việc mua bán trái pháp luật ma túy vì vậy trả lại cho chị L để sở hữu. Số tiền 100.000.đ là tiền do bị cáo lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Về số tiền các bị cáo đã thu được từ việc bán trái phép ma túy đã xác định rõ như sau: Dương Văn Q 600.000.đ, Nguyễn Văn V 4.800.000.đ, Trần Quốc T 1.300.000.đ và Đoàn Thị L 1.600.000.đ. Toàn bộ số tiền này phải truy thu của các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại cho anh Cao Hữu A 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 033xxx, việc trả lại tài sản này là hợp pháp vì vậy được xác nhận.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với từng bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án và diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa vì vậy được chấp nhận.

[10]. Căn cứ vào diễn biến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra đều phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và có đủ cơ sở để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt **Nguyễn Công T 07** (bảy) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/7/2017.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt **Dương Văn Q 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/8/2017.

- Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt **Nguyễn Văn V 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 01/8/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999: Phạt **Trần Quốc T 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy*” Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/8/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p, q khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999: **Phạt Đoàn Thị L 15** (mười lăm) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nhưng được trừ **03** (ba) ngày đã bị tạm giữ. Bị cáo Đoàn Thị L còn phải chấp hành **14** (mười bốn) tháng **27** (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tịch thu 01 bì niêm phong số 777/KLGD-PC54 ngày 24/7/2017, 01 bì niêm phong số 804/KLGD ngày 29/7/2017, 01 bì niêm phong số 874/KLGD ngày 09/8/2017 đều của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc hoàn trả lại sau khi giám định và 01 chiếc cân điện tử vỏ nhựa màu đen do không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy;

+ Tịch thu của Nguyễn Quyết C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, vỏ nhựa màu đỏ đen có lắp 02 sim số 01256596xxx và 01637459xxx để bán sung công quỹ Nhà nước;

+ Tịch thu của bị cáo Nguyễn Công T số tiền 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

+ Tịch thu của bị cáo Dương Văn Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 vỏ màu đen có lắp 02 sim số 0968303xxx và 01662753xxx và số tiền 200.000.đ (hai trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

+ Tịch thu của bị cáo Trần Quốc T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám có lắp sim số 0983756xxx để bán sung công quỹ Nhà nước;

+ Trả lại cho Nguyễn Quyết C 7.000.đ (bảy nghìn đồng) để sở hữu;

+ Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen có lắp sim số 01237793xxx và số tiền 420.000.đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quốc T số tiền 2.000.000.đ (hai triệu đồng) và 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Quốc T. Riêng số tiền tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 100.000.đ (một trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Dương Văn Q số tiền 234.000.đ (hai trăm ba mươi tư nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án;

+ Trả lại cho bà Phạm Thị L (vợ bị cáo Nguyễn Văn V) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu hồng có lắp sim số 0943652xxx để sở hữu;

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Công T) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112, vỏ nhựa màu đỏ đen có lắp sim số 01294024xxx để sở hữu;

(Toàn bộ những vật chứng trên hiện đang bị tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba và có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2018 có lưu trong hồ sơ vụ án).

+ Truy thu của các bị cáo Dương Văn Q 600.000.đ (sáu trăm nghìn đồng), của Nguyễn Văn V 4.800.000.đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng), của Trần Quốc T 1.300.000.đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) và của Đoàn Thị L 1.600.000.đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

+ Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Ba đã trả lại cho anh Cao Hữu A 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 033xxx do Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 13/3/2017 mang tên Cao Hữu A là hợp pháp (*biên bản về việc trả lại tài sản ngày 20/11/2017 có lưu trong hồ sơ vụ án*).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo Trần Quốc T, Đoàn Thị L, Nguyễn Văn V, Dương Văn Q và Nguyễn Công T mỗi bị cáo phải nộp 200.000.đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND phường T,P, Đ, thị trấn P, P, H;
- UBND xã Y, h. T;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp TP H;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

T¹ Hằng Tuân